

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán: Mua sắm trang phục y tế và đồ vải của Bệnh viện đa khoa Vân Đình năm 2026

- Chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa Vân Đình

- Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Trang phục y tế và đồ vải

- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn kinh phí tự chủ của đơn vị

- Loại hợp đồng: Trọn gói

- Thời gian thực hiện gói thầu: 120 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện đa khoa Vân Đình - Địa chỉ: Số 1 Thanh Âm, Xã Vân Đình, TP. Hà Nội.

1.2.. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu chung:

- Hàng hóa thuộc gói thầu phải mới 100%, sản xuất năm 2026 trở lại đây.

- Thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất (đối với trang phục, quần áo) phải tuân thủ mẫu mã, hình thức tại Thông tư số: 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế.

- Thông số kỹ thuật: Hàng hóa cung cấp phải đúng chủng loại, đúng thông số kỹ thuật, phù hợp như mô tả tại bảng yêu cầu về kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu chào hàng hóa tương đương. Yêu cầu có bảng so sánh chứng minh thông số kỹ thuật (chi tiết) của tất cả các hàng hóa tương đương hoặc tốt hơn.

- Nhà thầu lưu ý:

+ Trong mọi trường hợp, nếu E-HSĐT của nhà thầu cung cấp thông tin, tài liệu làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, không trung thực thì E-HSĐT của nhà thầu bị loại và Nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Đồng thời là căn cứ để Bên mời thầu đề nghị cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong đơn vị.

+ Nhà thầu có thể chào thầu hàng hóa có thông số đúng hoặc tương đương hoặc mới hơn yêu cầu (tương đương được hiểu theo đáp ứng toàn bộ các thông số được nêu ra trong một hàng hóa của E-HSMT, công nghệ mới hơn được hiểu là công nghệ ra sau và có những thông số tốt hơn so với các thông số được yêu cầu của một hạng mục hàng hóa trong E-HSMT). Nhà thầu phải lập bảng liệt kê thông số kỹ thuật hàng hóa dự thầu và kèm theo tài liệu kỹ thuật hoặc catalogue để chứng minh (không bắt buộc đối với các vật tư, phụ kiện).

+ Khi lập danh sách, hàng hóa trong Hồ sơ dự thầu, đề nghị các nhà thầu lập theo thứ tự danh mục hàng hóa trong Hồ sơ mời thầu.

+ Tên hãng sản xuất, xuất xứ, model, ký mã hiệu của hàng hóa (nếu có) nêu trong E-HSMT chỉ mang tính chất tham khảo

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

STT	TÊN HÀNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG	ĐVT
1	Săng 1 lớp, vải mềm, màu xanh KT: 30cm x 30cm	Chất liệu: Vải visco Màu sắc: Xanh lá cây Tiêu chuẩn vải: Visco (35±1)%; Polyester (65±1)%. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 308±2, Ngang: 256±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 166±2. Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,5±0,05, ngang: -1,0±0,05; Độ bền màu giặt (cấp): 4-5. Độ bền màu chất tẩy (cấp): 4 Quy cách may: May xung quanh mép, đường may 0,7cm. Kích thước: 30cm x 30cm Có in logo của Bệnh viện	100	Chiếc
2	Săng màu xanh 1 lớp KT: 80cm x 80cm	Chất liệu: Vải Kaki Màu sắc: Xanh lá cây Tiêu chuẩn vải: Polyester (1±1)%; Cotton (99±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 457±2, Ngang: 218±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 275±2. Độ bền màu giặt (cấp) 4-5. Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 730±2; ngang: 561±2. Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 4. Khả năng ngả vàng (cấp): 4-5. Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA-2.5 Quy cách may: May xung quanh mép, đường may 0,7cm. Kích thước: 80cm x 80cm Có in logo của Bệnh viện	100	Chiếc
3	Săng hút màu xanh KT: 20cm x 30cm	Chất liệu: Vải Kaki Màu sắc: Xanh lá cây Tiêu chuẩn vải: Polyester (1±1)%; Cotton (99±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 457±2, Ngang: 218±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 275±2. Độ bền màu giặt (cấp) 4-5. Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 730±2; ngang: 561±2. Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 4. Khả năng ngả vàng (cấp): 4-5. Ngoại quan của vải sau giặt	200	Chiếc

STT	TÊN HÀNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG	ĐVT
		và làm khô (cấp): SA-2.5 Quy cách may: May xung quanh mép, đường may 0,7cm. Kích thước: 20cm x 30cm Có in logo của Bệnh viện		
4	Săng có lỗ 60cm x 60cm màu xanh 1 lớp ĐK lỗ: 10cm x 10cm	Chất liệu: Vải Kaki Màu sắc: Xanh lá cây Tiêu chuẩn vải: Polyester (1±1)%; Cotton (99±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 457±2, Ngang: 218±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 275±2. Độ bền màu giặt (cấp) 4-5. Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 730±2; ngang: 561±2. Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 4. Khả năng ngả vàng (cấp): 4-5. Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA-2.5 Quy cách may: May xung quanh mép, đường may 0,7cm. Kích thước: 60cm x 60cm, ĐK lỗ: 10cm x 10cm Có in logo của Bệnh viện	54	Chiếc
5	Săng có lỗ màu xanh KT 80cm x 80cm ĐK lỗ 15cm	Chất liệu: Vải Kaki Màu sắc: Xanh lá cây Tiêu chuẩn vải: Polyester (1±1)%; Cotton (99±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 457±2, Ngang: 218±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 275±2. Độ bền màu giặt (cấp) 4-5. Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 730±2; ngang: 561±2. Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 4. Khả năng ngả vàng (cấp): 4-5. Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA-2.5 Quy cách may: May xung quanh mép, đường may 0,7cm. Kích thước: 80cm x 80cm, ĐK lỗ: 15 cm Có in logo của Bệnh viện	105	Chiếc
6	Săng bọc Catheter có khuy KT: 10cm x 20cm	Chất liệu: Vải Kaki Màu sắc: Xanh lá cây Tiêu chuẩn vải: Polyester (1±1)%; Cotton (99±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 457±2, Ngang: 218±2. Khối lượng	50	Chiếc

STT	TÊN HÀNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG	ĐVT
		tính bằng g/m²: 275±2. Độ bền màu giặt (cấp) 4-5. Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 730±2; ngang: 561±2. Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 4. Khả năng ngả vàng (cấp): 4-5. Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA-2.5. Quy cách may: May xung quanh mép, đường may 0,7cm. Kích thước: 10cm x 20cm Có in logo của Bệnh viện		
7	Dây buộc tay dài 1m, màu trắng	Chất liệu: Vải Kaki Màu sắc: Màu trắng Tiêu chuẩn vải: Cotton (34±1)%. Polyester (66±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 426±2; Ngang: 222±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 206±2; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,5±0,05, ngang: -0,5±0,05; Độ bền xé rách (N): Dọc: 80±2; ngang: 46±2. Độ bền màu giặt cấp 4-5. Kiểu dệt: Vân chéo 2/1 Quy cách may: May xung quanh mép, có dây dài, có thừa khuyết Có in logo của Bệnh viện	100	Chiếc
8	Cổ định mask thở không xâm nhập KT: 15cm x 20cm	Chất liệu: Vải Kaki Màu sắc: Xanh lá cây Tiêu chuẩn vải: Polyester (1±1)%; Cotton (99±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 457±2, Ngang: 218±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 275±2. Độ bền màu giặt (cấp) 4-5. Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 730±2; ngang: 561±2. Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 4. Khả năng ngả vàng (cấp): 4-5. Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA-2.5. Quy cách may: May xung quanh mép, đường may 0,7cm. Kích thước: 15cm x 20cm	50	Chiếc
9	Săng Kaki 2 lớp màu xanh KT: 60cm x 60cm	Chất liệu: Vải Kaki Màu sắc: Xanh lá cây Tiêu chuẩn vải: Polyester (1±1)%;	50	Chiếc

STT	TÊN HÀNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG	ĐVT
		Cotton (99±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 457±2, Ngang: 218±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 275±2. Độ bền màu giặt (cấp) 4-5. Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 730±2; ngang: 561±2. Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 4. Khả năng ngả vàng (cấp): 4-5. Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA-2.5. Quy cách may: May xung quanh mép, đường may 0,7cm. May 2 lớp Kích thước: 60cm x 60cm Có in logo của Bệnh viện		
10	Săng kaki 2 lớp màu xanh KT: 1m x 1m	Chất liệu: Vải Kaki Màu sắc: Xanh lá cây Tiêu chuẩn vải: Polyester (1±1)%; Cotton (99±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 457±2, Ngang: 218±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 275±2. Độ bền màu giặt (cấp) 4-5. Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 730±2; ngang: 561±2. Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 4. Khả năng ngả vàng (cấp): 4-5. Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA-2.5. Quy cách may: May xung quanh mép, đường may 0,7cm. May 2 lớp Kích thước: 1m x 1m Có in logo của Bệnh viện	250	Chiếc
11	Săng bọc 2 lớp màu xanh KT: 1,2m x 1,2m	Chất liệu: Vải Kaki Màu sắc: Xanh lá cây Tiêu chuẩn vải: Polyester (1±1)%; Cotton (99±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 457±2, Ngang: 218±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 275±2. Độ bền màu giặt (cấp) 4-5. Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 730±2; ngang: 561±2. Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 4. Khả năng ngả vàng (cấp): 4-5. Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA-2.5. Quy cách may: May xung quanh mép, đường may 0,7cm. May 2 lớp	236	Chiếc

STT	TÊN HÀNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG	ĐVT
		Kích thước: 1,2m x 1,2m Có in logo của Bệnh viện		
12	Săng phủ màu xanh 1,2m x 2m	Chất liệu: Vải Kaki Màu sắc: Xanh lá cây Tiêu chuẩn vải: Polyester (1±1)%; Cotton (99±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 457±2, Ngang: 218±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 275±2. Độ bền màu giặt (cấp) 4-5. Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 730±2; ngang: 561±2. Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 4. Khả năng ngả vàng (cấp): 4-5. Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA-2.5. Quy cách may: May xung quanh mép, đường may 0,7cm. Kích thước: 1,2m x 2m Có in logo của Bệnh viện	26	Chiếc
13	Ga trải căng đầy bệnh nhân có chun (KT 60cm x 2m) màu trắng	Chất liệu: Vải Thô Màu sắc: Màu trắng Tiêu chuẩn vải: Polyester (88±1)%; Cotton (12±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 298±2, Ngang: 234±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 172±2. Độ bền màu giặt (cấp): 4-5. Độ bền xé rách (N): Dọc: 60±2; ngang: 49±2. Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0±0,05, ngang: -1,5±0,05 Quy cách may: May chun hai đầu Kích thước: 60cm x 2m	10	Chiếc
14	Săng mỏng xanh 1,8m x 1,8m	Chất liệu: Vải Kaki Màu sắc: Xanh lá cây Tiêu chuẩn vải: Polyester (1±1)%; Cotton (99±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 457±2, Ngang: 218±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 275±2. Độ bền màu giặt (cấp) 4-5. Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 730±2; ngang: 561±2. Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 4. Khả năng ngả vàng (cấp): 4-5. Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA-2.5. Quy cách may: May xung quanh mép	530	Chiếc

STT	TÊN HÀNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG	ĐVT
		KT: 1,8m x 1,8m Có in logo của Bệnh viện		
15	Áo choàng PT	Chất liệu: Vải Kaki Màu sắc: Xanh lá cây Tiêu chuẩn vải: Cotton (35±1)%; Polyester (65±1)%. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 464±2, Ngang: 224±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 214±2. Độ bền màu giặt (cấp) 3-5. Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 1568±2; ngang: 653±2. Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 4. Khả năng ngả vàng (cấp): 4-5. Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA-2.5. Quy cách may: Áo phẫu thuật dài tay, khẩu trang liền cổ, chiều dài quá gối 5-10cm, bo chun tay 6cm, buộc dây phía sau Có in logo của Bệnh viện	350	Chiếc
16	Bộ quần áo cộc tay phẫu thuật viên P.Mỏ	Màu sắc: màu xanh cổ vịt - Tiêu chuẩn vải: Polyester (78±1)%, Rayon (17±1)%; Spandex (5±1)%. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 480±2; Ngang: 366±2; Độ bền màu giặt (cấp): 2-5; Khối lượng tính bằng g/m²: 238±2. Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 957±2; ngang: 1546±2. Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 4. Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA-3.0 Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; Có in logo của Bệnh viện	130	Bộ
17	Ga phủ giường xoa bóp, màu xanh ngọc (to)	Chất liệu: Vải Kaki Màu sắc: Xanh ngọc Tiêu chuẩn vải: Polyester (66±1)%; Cotton (34±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 286±2, Ngang: 252±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 155±2. Chỉ số sợi tách từ vải (Ne): Dọc: (46±2)/2; ngang:	72	Chiếc

STT	TÊN HÀNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG	ĐVT
		(46±2)/2. Kiểu dệt: Vân điểm Quy cách may: May xung quanh mép - KT: 80cm x 185cm - Lỗ úp mặt hình elip: ĐK: ngang 13,5cm, dọc 18cm cách mép trên 12cm, mép bên 30,5cm. Có in logo Bệnh viện		
18	Khăn lau tay	Chất liệu: Vải 100% Bông Màu sắc: Màu trắng Tiêu chuẩn vải: Bông 100%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 254±2, Ngang: 170±2; Độ bền màu giặt (cấp): 4-5; Khối lượng tính bằng g/m²: 397±2. Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: - 5,0±0,05, ngang: -2,5±0,05; Hàm lượng Formaldehyt: K.p.h Kích thước: 30cm x 30 cm.	3.500	Chiếc
19	Khăn lau máy	Chất liệu: Vải 100% Bông Màu sắc: Khăn màu xanh dương Tiêu chuẩn vải: Bông 100%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 282±2, Ngang: 186±2; Độ bền màu giặt (cấp): 4-5; Khối lượng tính bằng g/m²: 473±2. Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: - 3,5±0,05, ngang: +2,5±0,05; Hàm lượng Formaldehyt: K.p.h Kích thước: 30cm x 45cm.	200	Chiếc
20	Ga trải giường màu trắng, bo chun 2 đầu KT đệm: 1,9m x 90cm x 7cm	Chất liệu: Vải Thô Màu sắc: trắng Tiêu chuẩn vải: Polyester (88±1%); Cotton (12±1%); Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 298±2, Ngang: 234±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 172±2. Độ bền màu giặt (cấp): 4-5. Độ bền xé rách (N): Dọc: 60±2; ngang: 49±2. Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0±0,05, ngang: -1,5±0,05 Quy cách may: May bo chun 2 đầu, KT đệm: 1,9m x 90cm x 7cm	350	Chiếc
21	Bộ Váy áo sản	Chất liệu: Vải Popolin Màu sắc: Màu xanh hòa bình	50	Bộ

STT	TÊN HÀNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG	ĐVT
		Tiêu chuẩn vải: Polyester 100%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 460±2; Ngang: 316±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 128±2; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: 0±0,05, ngang: -0,5±0,05; Độ bền xé rách (N): Dọc: 35±2; ngang: 25±2. Độ bền màu giặt (cấp): 4-5; Kiểu dệt: Vân điểm. Quy cách may: Áo + chân váy rời, áo cổ tròn, dài tay, cài cúc giữa, ngang ngực xếp ly chụm, chiều dài áo quá hông 5cm, chun váy xòe rộng 1,8m, chiều dài váy quá gối 10cm, có chun và dây rút Có in logo của Bệnh viện		
22	Quần áo bệnh nhân màu xanh	Chất liệu: Vải Popolin Màu sắc: Màu xanh hòa bình Tiêu chuẩn vải: Polyester 100%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 460±2; Ngang: 316±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 128±2; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: 0±0,05, ngang: -0,5±0,05; Độ bền xé rách (N): Dọc: 35±2; ngang: 25±2. Độ bền màu giặt (cấp): 4-5; Kiểu dệt: Vân điểm. Quy cách may: Áo kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi. Quần kiểu pyjama, kéo dây rút, có 1 túi sau. Có in logo của Bệnh viện	350	Bộ
23	Màn cá nhân	Chất liệu: Tuyền Màu sắc: Màu trắng Tiêu chuẩn vải: Polyester 100%; Mật độ lỗ (lỗ/inch²): 75±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 80±2; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -2,5±0,05, ngang: -1,0±0,05; Độ bền nổ (kPa): 876±2. Độ bền màu giặt (cấp): 4-5; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - KT: 1,8m x 1,9m x 0,9m.	300	Chiếc
24	Áo vàng người nhà BN	Chất liệu: Vải Thô Màu sắc: Màu vàng	50	Chiếc

STT	TÊN HÀNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG	ĐVT
		Tiêu chuẩn vải: Cotton (35±1)%. Polyester (65±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 292±2; Ngang: 228±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 162±2; Chỉ số sợi tách từ vải (Ne): Dọc: (20±2)/1; ngang: (20±2)/1. Kiểu dệt: Vân điểm. Quy cách may: Áo cổ tròn, cài cúc giữa, chiều dài áo trên gò 05cm, phía trước có 2 túi, phía sau xẻ giữa tới ngang hông Có in logo của Bệnh viện		
25	Áo choàng BN nặng	Chất liệu: Vải Thô Màu sắc: Màu xanh hòa bình Tiêu chuẩn vải: Polyester (87±1)% Cotton (13±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 282±2; Ngang: 237±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 168±2; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -0,5±0,05, ngang: -0,5±0,05; Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 981±2; ngang: 700±2. Độ bền màu giặt (cấp): 4-5; Kiểu dệt: Vân điểm. Quy cách may: Áo cổ tròn, cộc tay, chiều dài áo quá gò (5±0,5) cm, cột dây phía sau; Có in logo bệnh viện.	50	Chiếc
26	Quần áo trẻ em	Chất liệu: Vải Popolin Màu sắc: Màu xanh hòa bình Tiêu chuẩn vải: Polyester 100%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 460±2; Ngang: 316±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 128±2; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: 0±0,05, ngang: -0,5±0,05; Độ bền xé rách (N): Dọc: 35±2; ngang: 25±2. Độ bền màu giặt (cấp): 4-5; Kiểu dệt: Vân điểm. Quy cách may: Áo kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi. Quần kiểu pyjama, kéo dây rút, có 1 túi sau. Có in logo của Bệnh viện	100	Bộ

STT	TÊN HÀNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG	ĐVT
27	Túi đựng tư trang	Chất liệu: Vải thô Màu sắc: Màu xanh hòa bình Tiêu chuẩn vải: Polyester (87±1)% Cotton (13±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 282±2; Ngang: 237±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 168±2; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -0,5±0,05, ngang: -0,5±0,05; Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 981±2; ngang: 700±2. Độ bền màu giặt (cấp): 4-5; Kiểu dệt: Vân điểm. Quy cách may: May xung quanh miệng túi có đính 2 cúc, Kích thước: 47cm x 35cm Có in logo của Bệnh viện	300	Chiếc
28	Vỏ chăn trắng (KT: 1,8m x 2m)	Chất liệu: Vải Thô Màu sắc: Màu trắng Tiêu chuẩn vải: Polyester (88±1)%; Cotton (12±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 298±2, Ngang: 234±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 172±2. Độ bền màu giặt (cấp): 4-5. Độ bền xé rách (N): Dọc: 60±2; ngang: 49±2. Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0±0,05, ngang: -1,5±0,05 Quy cách may: May xung quanh Kích thước: 1,8m x 2m	200	Chiếc
29	Ga trải giường xanh yêu cầu	Chất liệu: TC Màu sắc: xanh kẻ trắng Tiêu chuẩn vải: Cotton (15±1)%, Rayon (11±1)%, Polyester (74±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 530±2, Ngang: 323±2; Khối lượng thực tế g/m²: 129±2. Độ bền màu giặt: 4-5; Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 677±2; ngang: 425±2. Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0±0,05, ngang: 0±0,05. Kiểu dệt: Vân điểm Kích thước: 2m x 0,9m x 0,1m Quy cách: May chun xung quanh In logo Bệnh viện	200	Chiếc

STT	TÊN HÀNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG	ĐVT
30	Gối + vỏ gối BN TYC	1. Vỏ gối: Tiêu chuẩn vải vỏ gối: Chất liệu TC Màu sắc: xanh kẻ trắng Tiêu chuẩn vải: Cotton (15±1)%, Rayon (11±1)%, Polyester (74±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 530±2, Ngang: 323±2; Khối lượng thực tế g/m²: 129±2. Độ bền màu giặt: 4-5; Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 677±2; ngang: 425±2. Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0±0,05, ngang: 0±0,05. Kiểu dệt: Vân điểm Quy cách: May xung quanh có diềm KT: 45 x 65 cm 2. Ruột gối: Bông siêu nhẹ Kích thước: 40cm x 60cm In logo Bệnh viện	100	Chiếc
31	Váy áo sản xanh yêu cầu	Chất liệu: TC Màu sắc: xanh kẻ trắng Tiêu chuẩn vải: Cotton (15±1)%, Rayon (11±1)%, Polyester (74±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 530±2, Ngang: 323±2; Khối lượng thực tế g/m²: 129±2. Độ bền màu giặt: 4-5; Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 677±2; ngang: 425±2. Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0±0,05, ngang: 0±0,05. Kiểu dệt: Vân điểm Quy cách may: Áo + chân váy rời, áo cổ tròn, dài tay, cài cúc giữa, ngang ngực xếp ly chum, chiều dài áo quá hông 5cm, chun váy xòe rộng 1,8m, chiều dài váy quá gối 10cm, có chun và dây rút Có in logo của Bệnh viện	50	Bộ
32	Quần áo nhận diện BN TYC	Chất liệu: TC Màu sắc: xanh kẻ trắng Tiêu chuẩn vải: Cotton (15±1)%, Rayon (11±1)%, Polyester (74±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 530±2, Ngang: 323±2; Khối lượng thực tế g/m²: 129±2. Độ bền màu giặt: 4-5; Độ bền kéo đứt (N): Dọc:	200	Bộ

STT	TÊN HÀNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG	ĐVT
		677±2; ngang: 425±2. Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0±0,05, ngang: 0±0,05. Kiểu dệt: Vân điểm Quy cách may: Áo cổ hai ve, khóa kéo phía sau, có 2 túi trước, lê ống tay, lê cổ. Quần chun, cộc ngang gối, có lê gấu.		
33	Màn khoa TYC	Chất liệu: tuyền Tiêu chuẩn vải: Polyester 100%; Mật độ lỗ (lỗ/inch²): 75±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 80±2; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -2,5±0,05, ngang: -1,0±0,05; Độ bền nổ (kPa): 876±2. Độ bền màu giặt (cấp): 4-5; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h Kích thước: 1,8m x 2m x 1m	100	Chiếc
34	Chăn hè thu xanh yêu cầu	Chất liệu: vải cotton Màu sắc: Màu xanh hòa bình Tiêu chuẩn vải: Cotton 100%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 454±2; Ngang: 202±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 266±2; Độ bền màu giặt (cấp): 4-5. Độ bền xé rách (N): Dọc: 10±2; ngang: 10±2. Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -4,5±0,05, ngang: -2,0±0,05. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h Kích thước: 2m x 1,45m Quy cách: Chăn trần 2 mặt In logo Bệnh viện	100	Chiếc
35	Bình phong che chắn màu trắng có móc treo ở khung (KT 1,6m x 2m, chiều dài 2m)	Chất liệu: vải Kaki Màu sắc: Màu trắng Tiêu chuẩn vải: Cotton 100%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 448±2; Ngang: 193±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 194±2; Độ bền màu giặt (cấp): 4-5. Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 680±2; ngang: 233±2. Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 4. Khả năng ngả vàng (cấp): 4-5. Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA-2.0	8	Chiếc

STT	TÊN HÀNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG	ĐVT
		Quy cách may: Bình phong che chắn màu trắng có móc treo ở khung Kích thước: 1,6m x 2m, chiều dài 2m		
36	Săng phủ máy màu trắng (KT 1m x 1,2m)	Chất liệu: vải Kaki Màu sắc: Màu trắng Tiêu chuẩn vải: Cotton 100%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 448±2; Ngang: 193±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 194±2; Độ bền màu giặt (cấp): 4-5. Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 680±2; ngang: 233±2. Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 4. Khả năng ngả vàng (cấp): 4-5. Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA-2.0 Quy cách may: May xung quanh Kích thước: 1m x 1,2m Có in logo bệnh viện	10	Chiếc
37	Ga phủ máy màu trắng (KT 80cm x 80cm)	Chất liệu: vải Kaki Màu sắc: Màu trắng Tiêu chuẩn vải: Cotton 100%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 448±2; Ngang: 193±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 194±2; Độ bền màu giặt (cấp): 4-5. Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 680±2; ngang: 233±2. Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 4. Khả năng ngả vàng (cấp): 4-5. Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA-2.0 Quy cách may: May xung quanh Kích thước: 80cm x 80cm Có in logo bệnh viện	10	Chiếc
38	Áo bình Oxy 40 lít	Chất liệu: Vải Thô Màu sắc: Màu trắng Tiêu chuẩn vải: Polyester (88±1)%; Cotton (12±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 298±2, Ngang: 234±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 172±2. Độ bền màu giặt (cấp): 4-5. Độ bền xé rách (N): Dọc: 60±2; ngang: 49±2. Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0±0,05,	24	Chiếc

STT	TÊN HÀNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG	ĐVT
		ngang: $-1,5\pm0,05$ KT: 1,45m x 0,75m		
39	Áo bình ô xy 5 lít	Chất liệu: Vải Thô Màu sắc: Màu trắng Tiêu chuẩn vải: Polyester (88 ± 1)%; Cotton (12 ± 1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 298 ± 2 , Ngang: 234 ± 2 . Khối lượng tính bằng g/m ² : 172 ± 2 . Độ bền màu giặt (cấp): 4-5. Độ bền xé rách (N): Dọc: 60 ± 2 ; ngang: 49 ± 2 . Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: $-1,0\pm0,05$, ngang: $-1,5\pm0,05$ KT: 50cm x 70cm	30	Chiếc
40	Trang phục Bác sỹ, dược sỹ mùa hè	Màu sắc: màu trắng Tiêu chuẩn vải: Rayon (36 ± 1)%. Polyester (64 ± 1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 280 ± 2 ; Ngang: 228 ± 2 . Khối lượng tính bằng g/m ² : 158 ± 2 ; Độ vón gút sau 7200 vòng quay (cấp): 4. Khả năng ngả vàng (cấp): 4-5. Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA-2.5. Kiểu dệt: Vân điểm Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; Có in logo của Bệnh viện	231	Bộ
41	Trang phục Bác sỹ, dược sỹ mùa đông	Chất liệu: vải Kate ford Màu sắc: màu trắng - Tiêu chuẩn vải: ($65\pm1,0$)% Polyeste; (35 ± 1)% Cotton. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 430 ± 2 ; Ngang: 227 ± 2 . Khối lượng tính bằng g/m ² : 214 ± 2 ; Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 1410 ± 2 , ngang 659 ± 2 ; Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 3.5; Độ thoáng khí tại 125Pa (cm ³ /s/cm ²): 7 ± 2 . Độ bền màu mồ hôi (cấp): 4-5; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h. Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h. Quy cách may: Theo Thông tư số	128	Bộ

STT	TÊN HÀNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG	ĐVT
		45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; Có in logo của Bệnh viện		
42	Trang phục Điều dưỡng, hộ sinh viên mùa hè	Màu sắc: màu trắng Tiêu chuẩn vải: Rayon (36±1)%. Polyester (64±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 280±2; Ngang: 228±2. Khối lượng tính bằng g/m ² : 158±2; Độ vón gút sau 7200 vòng quay (cấp): 4. Khả năng ngả vàng (cấp): 4-5. Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA-2.5. Kiểu dệt: Vân điểm Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; Có in logo của Bệnh viện	332	Bộ
43	Trang phục Điều dưỡng, hộ sinh viên mùa đông	Chất liệu: vải Kate ford Màu sắc: màu trắng - Tiêu chuẩn vải: (65±1,0)% Polyeste; (35±1)% Cotton. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 430±2; Ngang: 227±2. Khối lượng tính bằng g/m ² : 214±2; Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 1410±2, ngang 659±2; Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 3.5; Độ thoáng khí tại 125Pa (cm ³ /s/cm ²): 7±2. Độ bền màu mồ hôi (cấp): 4-5; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h. Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h. Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; Có in logo của Bệnh viện	109	Bộ
44	Váy blouse y tế	Chất liệu: vải Kaki thun Màu sắc: màu trắng - Tiêu chuẩn vải: (Polyester (80±1)%, Rayon (15±1)%, Spandex (5±1)%; Độ bền kéo đứt (N): Dọc 780±2; Ngang:	12	Bộ

STT	TÊN HÀNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG	ĐVT
		1336±2; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 480±2; Ngang: 392±2 . Khối lượng tính bằng g/m²: 250±2; Kiểu dệt: Vân chéo 2/2. Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA-3.0 Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Váy + mũ cánh Có in logo của Bệnh viện		
45	Trang phục Điều dưỡng, đơn nguyên TYC mùa hè	Màu sắc: màu trắng Tiêu chuẩn vải: Rayon (36±1)%. Polyester (64±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 280±2; Ngang: 228±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 158±2; Độ vón gút sau 7200 vòng quay (cấp): 4. Khả năng ngả vàng (cấp): 4-5. Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA-2.5. Kiểu dệt: Vân điểm Quy cách may: Cổ sen màu xanh lá cây, cài cúc giữa, có viền tay túi, ngăn tay - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; Có in logo của Bệnh viện	15	Bộ
46	Trang phục Điều dưỡng, đơn nguyên TYC mùa đông	Chất liệu: vải Kate ford Màu sắc: màu trắng - Tiêu chuẩn vải: (65±1,0)% Polyeste; (35±1)% Cotton. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 430±2; Ngang: 227±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 214±2; Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 1410±2, ngang 659±2; Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 3.5; Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): 7±2. Độ bền màu mồ hôi (cấp): 4-5; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h. Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h. Quy cách may: Cổ sen màu xanh lá cây, cài cúc giữa, có viền tay túi xanh lá, dài tay - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu	3	Bộ

STT	TÊN HÀNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG	ĐVT
		trang; Có in logo của Bệnh viện		
47	Váy blouse y tế khoa TYC	Chất liệu: vải Kaki thun Màu sắc: màu trắng - Tiêu chuẩn vải: (Polyester (80±1)%, Rayon (15±1)%, Spandex (5±1)%; Độ bền kéo đứt (N): Dọc 780±2; Ngang: 1336±2; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 480±2; Ngang: 392±2 . Khối lượng tính bằng g/m²: 250±2; Kiểu dệt: Vân chéo 2/2. Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA-3.0 Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Váy + mũ cánh Có in logo của Bệnh viện	4	Bộ
48	Trang phục của kỹ thuật viên, cử nhân, kỹ sư và các chức danh khác làm việc chuyên môn tại các khoa, phòng lâm sàng và cận lâm sàng mùa hè	Màu sắc: màu trắng Tiêu chuẩn vải: Rayon (36±1)%. Polyester (64±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 280±2; Ngang: 228±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 158±2; Độ vón gút sau 7200 vòng quay (cấp): 4. Khả năng ngả vàng (cấp): 4-5. Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA-2.5. Kiểu dệt: Vân điểm Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; Có in logo của Bệnh viện	54	Bộ
49	Trang phục của kỹ thuật viên, cử nhân, kỹ sư và các chức danh khác làm việc chuyên môn tại các khoa, phòng lâm sàng và cận lâm sàng mùa đông	Chất liệu: vải Kate ford Màu sắc: màu trắng - Tiêu chuẩn vải: (65±1,0)% Polyeste; (35±1)% Cotton. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 430±2; Ngang: 227±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 214±2; Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 1410±2, ngang 659±2; Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 3.5; Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): 7±2. Độ bền màu mồ hôi (cấp): 4-5; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h. Các	26	Bộ

STT	TÊN HÀNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG	ĐVT
		Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h. Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; Có in logo của Bệnh viện		
50	Trang phục của khu vực phẫu thuật, gây mê hồi sức	Chất liệu: vải màu xanh cổ vịt - Tiêu chuẩn vải: Polyester (78±1)%, Rayon (17±1)%; Spandex (5±1)%. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 480±2; Ngang: 366±2; Độ bền màu giặt (cấp): 2-5; Khối lượng tính bằng g/m ² : 238±2. Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 957±2; ngang: 1546±2. Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 4. Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA-3.0 Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; Có in logo của Bệnh viện	6	Bộ
51	Trang phục Dinh dưỡng mùa hè	Màu sắc: màu trắng Tiêu chuẩn vải: Rayon (36±1)%. Polyester (64±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 280±2; Ngang: 228±2. Khối lượng tính bằng g/m ² : 158±2; Độ vón gút sau 7200 vòng quay (cấp): 4. Khả năng ngả vàng (cấp): 4-5. Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA-2.5. Kiểu dệt: Vân điểm Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; Có in logo của Bệnh viện	7	Bộ
52	Trang phục Dinh dưỡng mùa đông	Chất liệu: vải Kate ford Màu sắc: màu trắng - Tiêu chuẩn vải: (65±1,0)% Polyeste; (35±1)% Cotton. Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 430±2; Ngang: 227±2. Khối lượng	1	Bộ

STT	TÊN HÀNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG	ĐVT
		tính bằng g/m²: 214±2; Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 1410±2, ngang 659±2; Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 3.5; Độ thoát khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): 7±2. Độ bền màu mồ hôi (cấp): 4-5; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h. Các Amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h. Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; Có in logo của Bệnh viện		
53	Trang phục Hộ lý, y công mùa hè	Màu sắc: màu xanh hòa bình Tiêu chuẩn vải: Rayon (35±1)%. Polyester (65±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 305±2; Ngang: 227±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 159±2; Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 891±2, Ngang: 698±2. Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -2,0±0,05, ngang: -1,5±0,05; Độ bền màu giặt (cấp) 4-5; kiểu dệt: Vân điểm Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; Có in logo của Bệnh viện	18	Bộ
54	Trang phục Hộ lý, y công mùa đông	Chất liệu: vải Kate ford Màu sắc: màu xanh hòa bình Tiêu chuẩn vải: Cotton (35±1)%. Polyester (65±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 402±2; Ngang: 202±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 190±2; Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 1334±2, Ngang: 580±2. Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0±0,05, ngang: -0,5±0,05; Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu	4	Bộ

STT	TÊN HÀNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG	ĐVT
		trang; Có in logo của Bệnh viện		
55	Trang phục áo của nhân viên tiếp đón, hành chính, thu ngân áo	Chất liệu: Áo vải Bamboo Màu sắc: Áo màu trắng, Tiêu chuẩn vải: Spandex (3±1)%. Polyester (65±1)%, visco (32±1)%;; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 606±2; Ngang: 341±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 146±2; Độ bền xé rách: Dọc: 83,0±2, Ngang: 52,0±2; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0±0,05, ngang: - 0,5±0,05; Độ bền màu giặt (cấp): 4-5; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Quy cách may: Áo sơ mi. Có in logo của Bệnh viện	76	Cái
56	Áo công tác xã hội	Chất liệu: Áo vải Bamboo Màu sắc: Áo màu xanh hòa bình Tiêu chuẩn vải: Spandex (3±1)%. Polyester (46±1)%, visco (51±1)%;; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 698±2; Ngang: 376±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 157±2; Độ bền xé rách: Dọc: 43±2, Ngang: 26±2; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,5±0,05, ngang: - 0,5±0,05; Độ bền màu giặt (cấp): 4-5; Quy cách may: Áo sơ mi. Có in logo của Bệnh viện	20	Cái
57	Trang phục quần của nhân viên tiếp đón, hành chính, thu ngân, công tác xã hội	Chất liệu: Quần vải kaki chun Màu sắc: quần màu tối Tiêu chuẩn vải: Spandex (2±1)%. Polyester (69±1)%, visco (29±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 426±2; Ngang: 288±2. Khối lượng tính bằng g/m²: 278±2; Độ bền xé rách(N): Dọc: 48±2, Ngang: 31±2; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,5±0,05, ngang: 0±0,05; Độ bền màu giặt (cấp): 4-5; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h;	32	Cái

STT	TÊN HÀNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG	ĐVT
		Quy cách may: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.		
58	Trang phục chân váy của nhân viên tiếp đón, hành chính, thu ngân, công tác xã hội	Chất liệu: kaki chun Màu sắc: màu tối Tiêu chuẩn vải: Spandex (2±1)%. Polyester (69±1)%, visco (29±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 426±2; Ngang: 288±2. Khối lượng tính bằng g/m ² : 278±2; Độ bền xé rách(N): Dọc: 48±2, Ngang: 31±2; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,5±0,05, ngang: 0±0,05; Độ bền màu giặt (cấp): 4-5; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Quy cách may: Chân váy chữ A	29	Cái
59	Trang phục áo vest của nhân viên tiếp đón, hành chính, thu ngân, công tác xã hội	Chất liệu: kaki chun Màu sắc: màu tối Tiêu chuẩn vải: Spandex (2±1)%. Polyester (69±1)%, visco (29±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 426±2; Ngang: 288±2. Khối lượng tính bằng g/m ² : 278±2; Độ bền xé rách(N): Dọc: 48±2, Ngang: 31±2; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,5±0,05, ngang: 0±0,05; Độ bền màu giặt (cấp): 4-5; Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h; Quy cách may: Áo vest	47	Cái
60	Trang phục của kỹ thuật viên thiết bị y tế, kỹ sư thiết bị, nhân viên bảo trì, lái xe ô tô cấp cứu mùa hè	Chất liệu: kaki Màu sắc: Màu xanh đen Tiêu chuẩn vải: Bông (36±1)%. Polyester (64±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 334±2; Ngang: 204±2. Khối lượng tính bằng g/m ² : 252±2; Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 1386±2; ngang: 761±2. Vón gút, xù lông (cấp): 4. Độ bền màu giặt (cấp): 3-5 Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần + áo Có in logo của Bệnh viện	14	Bộ

STT	TÊN HÀNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG	ĐVT
61	Trang phục của kỹ thuật viên thiết bị y tế, kỹ sư thiết bị, nhân viên bảo trì, lái xe ô tô cấp cứu mùa đông	Chất liệu: kaki Màu sắc: Màu xanh đen Tiêu chuẩn vải: Bông (36±1)%. Polyester (64±1)%; Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 334±2; Ngang: 204±2. Khối lượng tính bằng g/m ² : 252±2; Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 1386±2; ngang: 761±2. Vón gút, xù lông (cấp): 4. Độ bền màu giặt (cấp): 3-5 Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần + áo Có in logo của Bệnh viện	14	Bộ

Ghi chú:

- Nhà thầu cung cấp hàng hóa đúng khối lượng và chủng loại quy định hoặc tương đương hoặc tốt hơn các hàng hóa nêu trên, tên và mã hiệu (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo. Nhà thầu phải lập bảng liệt kê thông số kỹ thuật hàng hóa dự thầu và kèm Catalog hàng hóa để chứng minh.

- “Tương đương” có nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, tính năng sử dụng, chất lượng là tương đương với các hàng hóa nêu trên.

1.3. Các yêu cầu khác

1.3.1. Chế độ bảo hành:

- Có mặt trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo khi có phát sinh liên quan đến chất lượng hàng hóa.

- Thu hồi sản phẩm lỗi kỹ thuật vải, kỹ thuật may, không đúng mẫu mã, kích thước, màu sắc, chất lượng.

- Thời hạn bảo hành: 03 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư đồng ý nhận hàng, logo đảm bảo không bay màu trong suốt thời gian sử dụng sản phẩm (tối thiểu 1 năm).

- Nội dung bảo hành: Khi sản phẩm đưa vào sử dụng, sản phẩm đảm bảo về đường kim mũi chỉ không bung, sút, quy cách may, lỗi kỹ thuật vải, hư hại phụ liệu may, màu sắc vải mất màu, loang màu khi giặt, vải bị xù lông, co rút ≥ 2 cm kích thước sản phẩm trong thời gian bảo hành.

1.3.2. Thời gian sửa chữa hàng hóa lỗi.

Trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận hàng, nếu phát hiện sản phẩm may có lỗi kỹ thuật hoặc không đảm bảo kỹ thuật may thì Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu và Nhà thầu có trách nhiệm đến thu hồi, sửa chữa, giao trả lại hàng hóa trong vòng 10 làm việc ngày kể từ ngày nhận lại sản phẩm lỗi.

Tất cả các chi phí liên quan đến việc sửa chữa, đổi mới, phí khác do Nhà thầu chịu.

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm:

* Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Địa điểm: Tại địa điểm bàn giao hàng hóa
- Kiểm tra, thử nghiệm sẽ được tiến hành khi hàng đến địa điểm bàn giao theo yêu cầu của E-HSMT.
- Chủ đầu tư sẽ trực tiếp kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa với sự chứng kiến của nhà thầu:
 - + Tỷ lệ kiểm tra: Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5% đến 10% số lượng sản phẩm trong lô hàng kiểm tra.
 - + Kiểm tra ngoại quan: Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại Yêu cầu về ngoại quan.
 - + Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật: Trải sản phẩm trên bàn phẳng, đo kích thước sản phẩm theo chiều dài, chiều rộng bằng thước dây, đo kích thước đường kính cúc bằng thước cặp. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại “Yêu cầu về kỹ thuật”.
- Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh hàng hóa không phù hợp. Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.